

ĐÔ THỊ HÓA VÀ THẤT NGHIỆP Ở VÙNG VEN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Lê Khương Ninh & Nguyễn Lê Hoa Tuyết & Huỳnh Hữu Thọ

1. Giới thiệu

Để đạt được mục tiêu trở thành một nước công nghiệp phát triển, nước ta đang đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH cũng như đô thị hóa. Nếu vào năm 1989 tỷ lệ dân sống ở thành thị chỉ khoảng 18,5% thì đến năm 1999 con số này đã là 23,6%, năm 2008 là 28%, năm 2009 là 29,6% và có chiều hướng tiếp tục tăng nhanh trong thời gian tới. Bộ Xây dựng dự báo đến năm 2020 dân số thành thị sẽ chiếm 45% dân số cả nước [1]. Thực tế này cho thấy đô thị hóa ngày càng ảnh hưởng mạnh mẽ và sâu sắc đến mọi mặt của đời sống kinh tế – xã hội của mỗi địa phương nói riêng cũng như của cả nước nói chung.

Giống như nhiều nước trên thế giới, đô thị hóa ở nước ta diễn ra dưới hai hình thức chủ yếu là đô thị hóa theo chiều rộng và đô thị hóa theo chiều sâu [2], trong đó đô thị hóa theo chiều rộng là hình thức phổ biến nhất, đặc biệt là ở các vùng ven đô. Trên nguyên tắc, đô thị hóa sẽ làm tăng phúc lợi xã hội do làm tăng thu nhập cũng như chất lượng cuộc sống của người dân. Tuy nhiên, nếu quá trình đô thị hóa không được hoạch định hợp lý và kiểm soát chặt chẽ thì sẽ làm phát sinh các ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của người dân, nhất là cơ hội việc làm và thu nhập của họ. Trước khi đô thị hóa, hầu hết người dân vùng ven đều làm nghề nông, do đó đô thị hóa đã thu hẹp hay làm mất đi tư liệu sản xuất mang lại nguồn thu nhập chính, buộc họ phải chuyển nghề. Tuy nhiên, đa số họ đều có trình độ học vấn thấp, quen tác phong nông nghiệp nên khó có thể tìm được việc làm ở lĩnh vực phi nông nghiệp. Mặt khác, công tác đào tạo nghề và hỗ trợ người dân tìm việc làm thường chỉ được thực hiện một cách đối phó. Vì vậy, người dân vùng ven rất khó hoặc không thể tìm được việc làm mới, dẫn đến tình trạng thất nghiệp gia tăng đột ngột, thu nhập giảm mạnh và các tệ nạn xã hội xuất hiện theo.

Thất nghiệp cao sẽ ảnh hưởng xấu đến đời sống người dân cũng như tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Do đó, tìm hiểu nguyên nhân để đưa ra giải pháp hạn chế tình trạng thất nghiệp gia tăng bất thường ở các vùng ven đô thị là rất cần thiết. Mục tiêu của bài viết là ước lượng ảnh hưởng của đô thị hóa đến tình trạng thất nghiệp ở các vùng ven đô thị nhằm tìm ra giải pháp hạn chế thất nghiệp ở đây thông qua số liệu sơ cấp thu thập trực tiếp từ 310 hộ gia đình sống ở vùng ven thành phố Cần Thơ (TPCT) – đô thị trung tâm của Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL).

2. Kết quả nghiên cứu

2.1 Mô tả mẫu khảo sát

Như đã đề cập, số liệu sơ cấp sử dụng trong bài viết được thu thập trực tiếp từ 310 hộ gia đình sinh sống ở vùng ven TPCT, tập trung chủ yếu ở hai quận Bình Thủy và Cái Răng. Số nhân khẩu bình quân của mỗi hộ trong mẫu khảo sát là 5. Độ tuổi bình quân của các chủ hộ ở đây là 49,7. Chủ hộ là nam chiếm 80,3% số hộ được khảo sát và 71,9% chủ hộ chưa tốt nghiệp trung học phổ thông nên có đến 32,6% số hộ ở đây vẫn sinh sống bằng nghề nông. Diện tích đất bình quân trên mỗi hộ và trên mỗi nhân khẩu khá thấp, xấp xỉ 3.003 m²/hộ hay 616m²/nhân khẩu. Để nâng cao thu nhập, bên cạnh nghề nông lao động vùng ven tham gia thêm một số nghề phi nông nghiệp như buôn bán nhỏ (chiếm 25,5% số hộ được khảo sát), nghề tự do (21,3%) và công nhân (15,8%). Đáng lưu ý là chỉ có khoảng 4,8% số hộ được khảo sát có thành viên là công chức hay viên chức với thu nhập khá và ổn định. Do đó, thu nhập bình quân mỗi lao động ở vùng ven TPCT chỉ khoảng 1,5 triệu đồng/tháng, xấp xỉ 33,2% thu nhập bình quân mỗi lao động của cả thành phố trong năm 2008 (khoảng 4.513.000 đồng/tháng) [3].

Bảng 1: Mô tả mẫu khảo sát

Tiêu chí	Bình quân	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Độ lệch chuẩn
Tỷ lệ người không có việc làm trên tổng số lao động của hộ (%)	24,41	0,00	67,00	15,52
Tỷ lệ người sống phụ thuộc / hộ (%)	21,18	0,00	66,67	16,04
Khoảng cách đến trung tâm thành phố (km)	7,60	5,05	9,94	1,55
Khoảng cách đến trung tâm thương mại, chợ, siêu thị (km)	1,90	1,35	4,70	1,26
Khoảng cách đến trường học (km)	1,69	0,14	5,00	1,15
Tình trạng quy hoạch nơi ở của hộ (1 = khu vực bị quy hoạch “treo”, 0 = khu vực không bị quy hoạch “treo”)	0,60	0,00	1,00	0,49

Nguồn: Số liệu tự thu thập 2008.

Bảng 1 cho thấy tỷ lệ thất nghiệp bình quân của hộ được khảo sát lên đến 24,41% (độ lệch chuẩn 15,52%) rất cao so với tỷ lệ thất nghiệp chung của cả nước vào năm 2008 (là 4,65%) và của ĐBSCL (4,12%) [4]. Tỷ lệ người sống phụ thuộc bình quân trên hộ khoảng 21,18% với độ lệch chuẩn 16,04%, nhưng đối với một số hộ tỷ lệ này khá cao, lên đến 66,67% số nhân khẩu. Đây là một gánh nặng cho các lao động khác trong hộ, buộc họ phải cố gắng tìm việc làm.

Khoảng cách bình quân từ các hộ được khảo sát đến trung tâm thành phố là 7,6 km với độ lệch chuẩn 1,55 km, cho thấy quy mô TPCT khá nhỏ nên lao động vùng ven dễ vào thành phố tìm việc. Khoảng cách bình quân từ các hộ được khảo sát đến các trung tâm thương mại cũng không lớn – chỉ khoảng 1,9 km (độ lệch chuẩn là 1,26 km) và nhỏ hơn khoảng cách đến trung tâm thành phố do việc hình thành các khu đô thị mới ở TPCT kéo theo sự ra đời của nhiều trung tâm thương mại hay các khu buôn bán tập trung. Tuy nhiên, các trung tâm này có quy mô nhỏ, không tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho lao động vùng ven. Khoảng cách bình quân từ các hộ được khảo sát đến các trường học là tương đối gần, khoảng 1,69 km với độ lệch chuẩn là 1,15 km cho thấy việc học hành

của trẻ em vùng ven TPCT khá thuận lợi. Tuy nhiên, thực tế hệ thống giao thông ở đây chưa hoàn chỉnh nên gây không ít khó khăn cho việc đi lại của học sinh, đặc biệt đối với bậc học mẫu giáo và tiểu học. Ngoài ra, Bảng 1 còn cho thấy có nhiều dự án quy hoạch ở vùng ven TPCT rơi vào tình trạng “treo”, chiếm đến 60% số mẫu khảo sát. Con số này cho thấy công tác quy hoạch đô thị tại địa phương chưa đạt hiệu quả. Tình trạng “treo” của các dự án khiến người dân không thể đầu tư xây dựng, sửa chữa nhà cửa, kinh doanh hay canh tác trên đất của mình, vì vậy làm tăng tỷ lệ thất nghiệp.

2.2 Mô hình nghiên cứu

Các nhà nghiên cứu (như Détang-Dessendre và Gaigné, 2009; Sorek, 2009; Haapanen và Tervom, 2009; Hundley, 2008; v.v.) đã chỉ ra nhiều yếu tố có ảnh hưởng đến tình trạng thất nghiệp của người dân vùng ven các đô thị. Đầu tiên là các yếu tố nội tại thuộc về chính bản thân của hộ như diện tích đất (ký hiệu DIENTICH), đặc điểm kinh tế của hộ (DANGKT), loại hình gia đình (LOAIGIADINH), tỷ lệ giữa số người phụ thuộc và tổng số nhân khẩu của hộ (PHUTHUOC). Tất cả các yếu tố này được đưa vào mô hình nghiên cứu được sử dụng trong bài viết:

$$\begin{aligned} \text{THATNGHIEP} = & \alpha_0 + \alpha_1 \text{DIENTICH} + \alpha_2 \text{DANGKT} \\ & + \alpha_3 \text{LOAIGIADINH} + \alpha_4 \text{PHUTHUOC} + \alpha_5 \text{KCT-} \\ & \text{PHO} + \alpha_6 \text{KCTHMAI} + \alpha_7 \text{KCDCHINH} + \alpha_8 \text{KC-} \\ & \text{TRHOC} + \alpha_9 \text{MATTIEN} + \alpha_{10} \text{QHTREO} + \\ & \alpha_{11} \text{LOGTHUNHAP} + \alpha_{12} \text{LOGTHUNHAPxD1} + \\ & \alpha_{13} \text{DVKDOANH} \quad (1) \end{aligned}$$

Trong Mô hình (1), biến phụ thuộc THATNGHIEP là tỷ lệ (%) giữa số lao động không có việc làm và tổng số lao động của các hộ được khảo sát hay tỷ lệ thất nghiệp của hộ. Biến này được dùng để đo lường tình trạng thất nghiệp của lao động vùng ven TPCT. Ảnh hưởng của các biến độc lập nói trên đến biến phụ thuộc dễ dàng được giải thích, chẳng hạn như biến DIENTICH là diện tích đất nông nghiệp của hộ (1.000 m²). Ở vùng ven, người dân sống chủ yếu bằng nghề nông nên khi đất nông nghiệp càng nhiều thì càng dễ tăng quy mô sản xuất và cần nhiều lao động hơn. Vì vậy, hệ số α_1 của biến DIENTICH được kỳ vọng có giá trị âm. Tương tự, biến DANGKT mô tả đặc điểm kinh tế của hộ, có giá trị là 0 nếu lao động của hộ chỉ làm nghề nông (hộ thuần nông) và 1 nếu lao động của hộ có làm nghề phi nông nghiệp, sẽ có hệ số α_2 âm do ở vùng ven đất ít nên lao động ở

các hộ thuần nông bị thất nghiệp khi nông nhàn hay khi thiên tai, dịch bệnh xảy ra.

Từ khi có chủ trương chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp, thương mại và dịch vụ, cấu trúc xã hội ở nước ta cũng thay đổi, cụ thể là kiểu gia đình truyền thống (tam tứ đại đồng đường) đã nhường chỗ cho gia đình hạt nhân (hay đơn tử), chỉ bao gồm cha mẹ và con cái. Ở các gia đình truyền thống, khi thành viên trong hộ bị thất nghiệp thì chi phí sinh hoạt của hộ sẽ được các thành viên khác chia sẻ, gánh vác nên hộ sẽ có ít động cơ tìm việc làm và thường có xu hướng từ chối những công việc được cho là kém hấp dẫn. Ngược lại, ở các gia đình đơn tử, trách nhiệm của mỗi thành viên được nâng cao, buộc họ phải cùng cố gắng tìm việc làm. Để kiểm chứng lập luận này, Mô hình (1) bao gồm biến LOAIGIADINH có giá trị 1 đối với hộ gia đình truyền thống và có giá trị 0 đối với hộ gia đình đơn tử. Hệ số α_3 được kỳ vọng có giá trị dương. Bên cạnh đó, biến PHUTHUOC là tỷ lệ người sống phụ thuộc trên tổng số nhân khẩu của hộ (%) được kỳ vọng có hệ số α_4 có giá trị âm vì khi hộ có càng nhiều người sống phụ thuộc thì gánh nặng chi phí cuộc sống buộc các lao động trong hộ phải tìm việc làm và dễ chấp nhận những công việc kém hấp dẫn, do đó làm giảm tỷ lệ thất nghiệp.

Sẽ rất khiếm khuyết nếu nghiên cứu vấn đề thất nghiệp ở vùng ven mà không đề cập đến các biến ngoại vi có ảnh hưởng đến cơ hội việc làm, nhất là các biến phát sinh từ chính quá trình đô thị hóa. Cụ thể, biến KCTPHO – khoảng cách từ hộ được khảo sát đến trung tâm thành phố (km) có hệ số $\alpha_5 > 0$. Đây là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến cơ hội việc làm của lao động vùng ven vì nếu sống càng gần trung tâm thì sẽ càng dễ vào thành phố tìm việc nên thất nghiệp càng ít. Tương tự, các biến khác như KCTHMAI (khoảng cách đến trung tâm thương mại), KCTRHOC (khoảng cách đến trường học) và KCDCHINH (khoảng cách đến đường giao thông chính) cũng phản ánh cơ hội việc làm của lao động vùng ven. Cụ thể, nếu sống gần những nơi đông đúc này, các hộ gia đình có thể kinh doanh nhiều loại hình dịch vụ hay làm thuê cho các cơ sở kinh doanh ở đó. Do đó, các hệ số từ α_6 đến α_8 cũng được kỳ vọng có giá trị dương.

Hệ số α_9 của biến MATTIEN, biến có giá trị là 1 nếu hộ có nhà nằm ở mặt tiền đường giao thông và có giá trị 0 nếu không phải là mặt tiền cũng

được kỳ vọng có giá trị âm. Nếu có nhà ở mặt tiền, các hộ gia đình có thể dễ dàng tổ chức kinh doanh ngay tại nhà, tạo ra việc làm cho lao động trong hộ. Đặc biệt, biến QHTREO (biến có giá trị là 1 nếu đất của hộ bị quy hoạch “treo” và là 0 nếu không bị quy hoạch “treo”) phản ánh rõ nét nhất ảnh hưởng của đô thị hóa đến tỷ lệ thất nghiệp ở vùng ven. Do quy hoạch “treo” làm cho sản xuất nông nghiệp và các hoạt động kinh doanh khác của hộ bị đình trệ nên thất nghiệp sẽ gia tăng. Vì vậy, hệ số α_{10} sẽ mang giá trị dương.

Bên cạnh đó, biến LOGTHUNHAP là thu nhập/lao động/tháng của các hộ trong mẫu khảo sát đã được lấy logarit thập phân và biến LOGTHUNHAP D1 là tích số của biến LOGTHUNHAP với biến giả D1 (có giá trị 0 nếu thu nhập bình quân của hộ nhỏ hơn 3,5 triệu đồng/lao động/tháng và có giá trị 1 nếu thu nhập bình quân của hộ từ 3,5 triệu đồng/lao động/tháng trở lên) cũng được đưa vào Mô hình (1) để kiểm định ảnh hưởng của hiệu ứng thay thế và hiệu ứng thu nhập đến tỷ lệ thất nghiệp của lao động vùng ven TPCT [5]. Cụ thể, nếu hiệu ứng thay thế hiện diện thì hệ số α_{11} của biến LOGTHUNHAP sẽ có giá trị âm vì thu nhập càng cao sẽ kích thích người lao động làm việc nhiều hơn nên tỷ lệ thất nghiệp càng thấp. Đồng thời, nếu hiệu ứng thu nhập xuất hiện thì hệ số α_{12} của biến LOGTHUNHAP D1 sẽ có giá trị dương, ngụ ý rằng nếu thu nhập vượt quá 3,5 triệu đồng/lao động/tháng thì tỷ lệ thất nghiệp (tự nguyện) của hộ sẽ tăng lên vì khi đó họ ít muốn làm việc [6]. Lập luận này có thể được giải thích như sau. Đối với hộ có thu nhập dưới 3,5 triệu đồng/lao động/tháng thì (tạm thời bỏ qua các biến số khác):

$$\text{THATNGHIEP} = \alpha_0 + \alpha_{11}\text{LOGTHUNHAP}$$

vì D1=0.

Đối với các hộ có thu nhập từ 3,5 triệu đồng/lao động/tháng trở lên thì:

$$\begin{aligned} \text{THATNGHIEP} &= \alpha_0 + \alpha_{11}\text{LOGTHUNHAP} + \\ \alpha_{12}\text{LOGTHUNHAP} &= \alpha_0 + (\alpha_{11} + \alpha_{12})\text{LOGTHUNHAP} \end{aligned}$$

vì D1=1. Như vậy, nếu $\alpha_{12} > 0$ thì ảnh hưởng của biến LOGTHUNHAP lên THATNGHIEP sẽ tăng vì khi đó $(\alpha_{11} + \alpha_{12}) > \alpha_{11}$, nghĩa là hiệu ứng thu nhập xuất hiện, làm giảm động cơ làm việc của người lao động và do đó làm tăng tỷ lệ thất nghiệp.

Ngoài ra, biến DVKDOANH là tỷ số giữa số

NGHIÊN CỨU & TRAO ĐỔI

doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh đang hoạt động với số lao động trong vùng (đơn vị/1.000 lao động). Thông thường, nếu số doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh càng nhiều thì người lao động càng có nhiều cơ hội việc làm nên tỷ lệ thất nghiệp sẽ thấp và hệ số α_{13} sẽ âm. Song, thực tế cho thấy khi có nhiều cơ hội, người lao động sẽ mất nhiều thời gian hơn để lựa chọn việc làm. Mặt khác, phần lớn lao động vùng ven đều có trình độ học vấn thấp nên người lao động ở đây lại không đủ khả năng làm việc ở các doanh nghiệp trong khi số doanh nghiệp càng lớn thì đất canh tác càng giảm, do đó hệ số α_{13} sẽ có giá trị dương.

2.3 Kết quả hồi quy

Kết quả hồi quy trong Bảng 2 được hình thành bằng phương pháp ước lượng bình phương bé nhất (OLS) [7]. Đầu tiên, Mô hình 1 trình bày kết quả hồi quy sử dụng các biến nội tại. Đúng như kỳ vọng, tất cả các biến này đều có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc THATNGHIEP ở mức ý nghĩa từ 1% đến 5%. Tương tự, Mô hình 2 ước lượng ảnh hưởng của các biến ngoại vi đến tỷ lệ lao động không có việc làm. Kết quả cho thấy hầu hết hệ số của các biến có ý nghĩa thống kê đúng như kỳ vọng, ngoại trừ ba biến KCTHMAI, KCDCHINH và KCTRHOC vì các yếu tố này chưa có ảnh hưởng đủ lớn đến cơ hội việc làm của lao động vùng ven do hạn chế về quy mô. Trong đó, biến QHTREO làm tăng đáng kể tỷ lệ thất nghiệp của các hộ vùng ven. Tuy nhiên, do có R2 và R2 điều chỉnh khá thấp nên nếu đứng riêng lẻ cả hai mô hình 1 và 2 đều chưa thể giải thích đầy đủ ảnh hưởng của các yếu tố có liên quan đến tình trạng thất nghiệp của lao động vùng ven TPCT.

Bảng 2: Kết quả hồi quy

Biến phụ thuộc: THATNGHIEP – Tỷ lệ người không có việc làm trên tổng số lao động của hộ (%)

Biến số	Mô hình 1	Mô hình 2	Mô hình 3	Mô hình 4
<i>Hằng số C</i>	37,504*** (12,611)	13,095** (2,599)	24,733*** (4,217)	4,175 (0,357)
<i>DIENTICH</i>	-0,526** (-2,300)		-0,960*** (-4,381)	-1,019*** (-4,642)
<i>DANGKT</i>	-8,115*** (-3,083)		-5,907** (-2,410)	-6,419*** (-2,636)
<i>LOAIGIADINH</i>	4,782*** (2,886)		6,518*** (4,249)	7,039*** (4,643)
<i>PHUTHUOC</i>	-0,315*** (-6,156)		-0,234*** (-4,801)	-0,272*** (-5,454)
<i>KCTPHO</i>		1,822*** (2,642)	1,327** (2,008)	1,437** (2,180)
<i>KCTHMAI</i>		-0,551 (-0,563)	-0,339 (-0,371)	-0,052 (-0,057)
<i>KCDCHINH</i>		-3,155 (-1,467)	-1,457 (-0,728)	-1,993 (-1,003)
<i>KCTRHOC</i>		-0,658 (-0,767)	-0,447 (-0,557)	-0,474 (-0,599)
<i>MATTIEN</i>		-7,650*** (-3,057)	-7,243*** (-3,104)	-7,678*** (-3,335)
<i>QHTREO</i>		8,619*** (4,519)	8,438*** (4,670)	9,172*** (5,122)
<i>LOGTHUNHAP</i>				9,194 (1,617)
<i>LOGTHUNHAP x D1</i>				16,414* (1,778)
<i>DVKDOANH</i>				0,118* (1,756)
Số quan sát (N)	310	310	310	310
R ²	0,16	0,18	0,31	0,34
R ² điều chỉnh	0,15	0,16	0,29	0,31
Kiểm định F	0,000	0,000	0,000	0,000

Ghi chú: (*): Mức ý nghĩa 10%, (**): Mức nghĩa 5% và (***): Mức ý nghĩa 1%.

Nguồn: Số liệu tự khảo sát năm 2008.

Để tăng tính thuyết phục của kết quả ước lượng, Mô hình 3 bao gồm cả các biến nội tại và ngoại vi. Kết quả hồi quy cho thấy Mô hình 3 tốt hơn hẳn hai Mô hình 1 và 2 vì cả R^2 và R^2 điều chỉnh đều tăng đáng kể, trong khi giá trị kiểm định F vẫn có ý nghĩa rất cao. Cụ thể, biến DI-ENTICH có hệ số tương quan âm ($\alpha_1 = -0,960$) ở mức ý nghĩa 1%. Điều này có nghĩa là khi diện tích đất nông nghiệp của hộ càng lớn thì tỷ lệ thất nghiệp của hộ càng thấp. Tương tự, biến DANGKT cũng có hệ số âm ($\alpha_2 = -5,907$) ở mức ý nghĩa 5%. Bên cạnh đó, biến LOAIGIADINH có ảnh hưởng thuận chiều đối với biến phụ thuộc ($\alpha_3 = -6,518$ ở mức ý nghĩa 1%). Kết quả này cho thấy các hộ gia đình truyền thống sẽ có tỷ lệ lao động thất nghiệp cao hơn hộ gia đình đơn tử. Đúng như kỳ vọng, biến PHUTHUOC cũng có hệ số tương quan âm ($\alpha_4 = -0,234$) ở mức ý nghĩa 1%.

Kết quả hồi quy trên còn cho thấy biến KCT-PHO có hệ số $\alpha_5 = 1,327$ ở mức ý nghĩa 5%. Điều này chứng tỏ rằng nếu nơi ở của hộ càng xa trung tâm thành phố thì lao động vùng ven càng ít có cơ hội tìm được việc làm. Tuy nhiên, các biến khoảng cách còn lại như KCTHMAI, KCDCHINH và KCTRHOC đều không có ý nghĩa thống kê trong việc giải thích sự biến thiên tỷ lệ thất nghiệp của các hộ được khảo sát bởi vì các yếu tố này bị hạn chế về quy mô. Ngoài ra, biến MAT-TIEN có hệ số $\alpha_9 = -7,243$ với mức ý nghĩa 1%, cho thấy các hộ ở mặt tiền đường giao thông sẽ dễ tạo việc làm cho lao động trong hộ hơn các hộ khác. Đúng như kỳ vọng, biến QHTREO có hệ số tương quan dương ($\alpha_{10} = -8,438$), cho thấy các hộ có đất bị quy hoạch “treo” có tỷ lệ lao động thất nghiệp cao hơn các hộ còn lại. Kết quả này rất phù hợp với thực tiễn ở vùng ven TPCT và cả ở những đô thị khác.

Như đã phân tích, hiệu ứng thu nhập ngụ ý là khi người lao động có thu nhập đủ cao thì họ sẽ ít muốn làm việc vì cần có thời gian để nghỉ ngơi, hưởng thụ. Do đó, Mô hình 4 bao gồm thêm biến LOGTHUNHAP D1 – tích số của biến LOGTHUNHAP với biến giả D1 – để kiểm định sự ảnh hưởng của hiệu ứng thu nhập đến tỷ lệ thất nghiệp của các hộ vùng ven. Ngoài ra, Mô hình 4 còn bao gồm biến DVKDOANH nhằm đo lường mối quan hệ giữa số doanh nghiệp kinh doanh với tỷ lệ thất nghiệp của lao động vùng ven.

Kết quả hồi quy cho thấy Mô hình 4 tốt hơn

Mô hình 3 vì cả R^2 và R^2 điều chỉnh đều tăng đáng kể, trong khi giá trị kiểm định F không thay đổi và vẫn có ý nghĩa rất cao. Mô hình 4 cho thấy biến LOGTHUNHAP không có ý nghĩa thống kê. Như vậy, không thể kết luận được rằng hiệu ứng thay thế có ảnh hưởng đến tỷ lệ thất nghiệp của lao động vùng ven ở TPCT. Tuy nhiên, biến LOGTHUNHAP D1 có hệ số tương quan dương $\alpha_{12} = 16,414$ ở mức ý nghĩa 10%, chứng tỏ rằng khi có thu nhập từ 3,5 triệu đồng/lao động/tháng trở lên thì người lao động ít muốn làm việc hơn, do đó tỷ lệ thất nghiệp gia tăng. Cũng ở mức ý nghĩa 10%, biến DVKDOANH có hệ số $\alpha_{13} = 0,118$ cho thấy một nghịch lý ở vùng ven thành phố là khi số doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh càng nhiều thì tỷ lệ thất nghiệp càng cao. Bên cạnh đó, tuy hệ số tương quan của các biến còn lại trong Mô hình 4 có thay đổi về độ lớn so với Mô hình 3 nhưng không đáng kể và các hệ số tương quan đều có ý nghĩa thống kê.

3. Giải pháp hạn chế thất nghiệp ở vùng ven

Đô thị hóa là yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy sự phát triển của một quốc gia hay một địa phương. Ở TPCT, quá trình đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ, đặc biệt là ở vùng ven thành phố. Tuy nhiên, bên cạnh các lợi ích mang lại, thực tế đô thị hóa ở vùng ven thành phố đã gây ra một số hệ lụy, thể hiện rõ nhất là tình trạng thất nghiệp gia tăng. Mục tiêu của bài viết này là đo lường mức độ ảnh hưởng của đô thị hóa đến tỷ lệ thất nghiệp ở vùng ven TPCT thông qua việc xử lý số liệu sơ cấp được thu thập từ 310 hộ gia đình sinh sống ở đây.

Để đáp ứng mục tiêu nghiên cứu, bài viết đã sử dụng mô hình nghiên cứu bao gồm các yếu tố nội tại (như diện tích đất nông nghiệp, đặc điểm kinh tế của hộ, loại hình gia đình của hộ và tỷ lệ người sống phụ thuộc trong hộ) cùng với các yếu tố ngoại vi (như khoảng cách đến các tiện ích mà đô thị hóa mang lại cho các hộ vùng ven, tình trạng quy hoạch nơi ở của hộ, v.v.). Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết các biến trong mô hình đều có ý nghĩa thống kê trong việc giải thích sự biến thiên tỷ lệ thất nghiệp của hộ ngoại trừ các biến KCTHMAI, KCDCHINH và KCTRHOC. Trong đó, biến QHTREO và biến MATTIEN có ảnh hưởng rõ nét nhất đến tỷ lệ thất nghiệp của các hộ được khảo sát và đây là hai biến khá đặc trưng của quá trình đô thị hóa. Ngoài ra, một điều rất đáng được lưu ý đó là tâm lý dễ dàng thỏa mãn

của lao động vùng ven. Khi hộ có thu nhập bình quân hơn 3,5 triệu đồng/lao động/tháng thì họ lại ít muốn làm việc hơn. Bên cạnh đó, việc xuất hiện nhiều doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh được kỳ vọng làm dịu đi tình trạng thất nghiệp ở vùng ven, nhưng kết quả nghiên cứu đã chứng minh điều ngược lại.

Kết quả phân tích cho thấy đô thị hóa có ảnh hưởng trực tiếp đến tình trạng thất nghiệp của lao động vùng ven. Một mặt, đô thị hóa làm giảm tỷ lệ thất nghiệp ở một khu vực nhất định nhưng mặt khác lại làm tăng tỷ lệ thất nghiệp vùng ven. Trong đó, quy hoạch “treo” là yếu tố làm gia tăng tỷ lệ thất nghiệp đáng kể nhất. Do đó, chúng tôi đề xuất một số giải pháp như sau:

- Tư duy đô thị hóa bằng mọi giá mà không tính đến chiến lược dài hạn cần được xóa bỏ. Tư duy này khiến đất đai bị quy hoạch tràn lan, thiếu cơ sở khoa học và không khả thi, dẫn đến hiện tượng quy hoạch “treo” và làm tăng tỷ lệ thất nghiệp ở vùng ven.

- Các thông tin về quy hoạch đất đai cần được công khai rộng rãi và khi có sự thay đổi thì những người chịu ảnh hưởng của sự thay đổi này phải có quyền được biết và có ý kiến phản biện. Hiện nay, hầu hết người dân đều không được biết những thông tin này.

- Cần khắc phục tình trạng vô cảm, thiếu trách nhiệm của một bộ phận cán bộ có liên quan đến quy hoạch. Ngoài ra, cần thực hiện nghiêm túc và có trách nhiệm đối với công tác đào tạo, dạy nghề cho người lao động.

- Cần phát triển thị trường tài chính nông thôn để giúp người dân vùng ven có nhiều cơ hội tiếp cận với các nguồn vốn, nhằm giải quyết nhu cầu về vốn kinh doanh của họ ■

[1] Nguồn: www.metvuong.com; *Thời báo Kinh tế Sài Gòn* 20/8/2009, tr. 7.

[2] Nguồn: Niên giám Thống kê TPCT, 2008.

[3] Đô thị hóa theo chiều rộng là quá trình đô thị hóa diễn ra tại các khu vực trước đây không phải là đô thị, nhằm mở rộng quy mô diện tích các đô thị hiện có trên cơ sở hình thành các khu đô thị mới, quận và phường mới. Đô thị hóa theo chiều sâu là quá trình hiện đại hóa và nâng cao trình độ các đô thị hiện có.

[4] Nguồn: Tổng cục Thống kê.

[5] Hiệu ứng thu nhập ngụ ý rằng khi người lao

động có thu nhập đủ cao thì họ sẽ muốn làm việc ít đi vì cần có thời gian nhiều hơn để nghỉ ngơi và hưởng thụ. Hiệu ứng thu nhập có ảnh hưởng ngược lại với hiệu ứng thay thế – đó là hiệu ứng khiến cho người lao động có thu nhập thấp làm việc nhiều hơn khi tiền lương tăng lên (Rizzo và Blumenthal, 1994; Li và Zax, 2003; v.v.)

[6] Để chọn ra được mức thu nhập này, chúng tôi sử dụng biểu đồ rời rạc (scattered plot) của thu nhập/lao động/tháng (LOGTHUNHAP) của hộ trong mối quan hệ với tỷ lệ thất nghiệp của hộ (THATNGHIEP). Biểu đồ này cho thấy khi thu nhập/lao động/tháng cao hơn 3,5 triệu đồng/lao động/tháng thì mối quan hệ này có dạng có dạng hình gấp khúc, nghĩa là hiệu ứng thu nhập hiện diện

[7] Trước khi phân tích hồi quy, chúng tôi đã kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập. Kết quả kiểm định cho thấy các hệ số phóng đại phương sai (VIF) của tất cả các biến đều nhỏ 10, chứng tỏ các biến độc lập của mô hình không bị hiện tượng đa cộng tuyến

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Détang-Dessendre, C. và C. Gaigné (2009), “Unemployment Duration, City Size, and the Tightness of the Labor Market,” *Regional Science and Urban Economics* 39, tr. 266–276.
2. Haapanen, M. và H. Tervom (2009), “Self-employment Duration in Urban and Rural Locations,” *Applied Economics* 41, tr. 2449–2461.
3. Hundley, G. (2008), “Assessing the Horatio Alger Myth: Is Self-employment Especially Beneficial for Those from Less-advantaged Family Backgrounds?” *Research in Social Stratification and Mobility* 26, tr. 307–322.
4. Li, H. và S. Zax (2003), “Labor Supply in Urban China,” *Journal of Comparative Economics* 31, tr. 795–817.
5. Rizzo, J.A. và D. Blumenthal (1994), “Physical Labor Supply: Do Income Effects Matter?” *Journal of Health Economics* 13, tr. 433–453.
6. Sorek, G. (2009), “Migration Costs, Commuting Costs and Intercity Population Sorting,” *Regional Science and Urban Economics* 39, tr. 377–385.